

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2025/DS-ST

Ngày 12 - 6 - 2025

V/v Tranh chấp tiền hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Bảy.

Ông Võ Sĩ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 23 tháng 5 và 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 651/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp tiền hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Lệ D, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Từ năm 2020 đến năm 2023 ông có tham gia vô hụi do bà Nguyễn Thị Lệ D làm chủ, cụ thể:

Dây 1: Hụi mở ngày 09/01/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 chung, 01 tháng khai 01 lần, ông tham gia 01 chung. Tính đến thời điểm bà D ngưng hụi (ngày 29/06/2022 âm lịch) ông đã đóng được 27 lần hụi, được số tiền là: 27 lần x 2.000.000 đồng x 01 chung = 54.000.000 đồng. Trừ tiền hoa hồng

1.000.000 đồng còn lại: 53.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi mở ngày 15/11/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 chung, 01 tháng khui 01 lần, ông tham gia chơi 01 chung. Tính đến thời điểm bà D ngưng hụi ngày 29/06/2022 âm lịch ông đã đóng được 16 lần hụi, được số tiền là: $16 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ chung} = 32.000.000 \text{ đồng}$. Trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng còn lại: 31.000.000 đồng.

Dây 03: Hụi mở ngày 25/04/2020 âm lịch, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm 30 chung, 01 tháng khui 01 lần, ông tham gia chơi 01 chung. Ông đã hốt hụi và có đóng hụi chết đầy đủ tính đến thời điểm bà D ngưng hụi (ngày 29/06/2022 âm lịch) hụi còn lại 06 lần thì mãn (ngày 29/12/2022), với số tiền còn lại phải đóng tiếp là $06 \text{ lần} \times 2.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ chung} = 12.000.000 \text{ đồng}$.

Đối trừ số tiền hụi sống (dây 1, 2) và hụi chết (dây 3) bà D nợ lại ông số tiền là: 72.000.000 đồng. Ngày 29/06/2022 âm lịch, giữa ông và bà D có đối chiếu nợ và bà D có làm biên bản xác nhận còn nợ ông số tiền hụi là: 72.000.000 đồng.

Sau đó bà D và ông C có trả cho ông nhiều lần và còn nợ lại số tiền 68.000.000 đồng. Bà D hứa hẹn khi bán được đất sẽ trả nợ nhưng khi bán đất xong, vào ngày 30/10/2023 bà D và ông C chỉ trả cho ông được 02 lần với tổng số tiền 14.700.000 đồng và còn nợ lại 53.300.000 đồng.

Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D và ông Huỳnh Văn C có trách nhiệm trả cho ông số tiền hụi còn nợ lại là: 53.300.000 đồng (Năm mươi ba triệu, ba trăm ngàn đồng).

- Quá trình thụ lý, hòa giải bị đơn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Lệ D trình bày. Bà thừa nhận có làm chủ hụi và mở hụi như nguyên đơn trình bày. Sau khi kết toán hụi bà có viết giấy nhận nợ và còn nợ ông Q số tiền 53.300.000 đồng. Nay bà thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán cho ông Q số tiền 53.300.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Bà cho rằng khoản nợ này là nợ riêng của bà, do bà mở hụi và theo dõi hụi, không liên quan đến ông C (chồng bà).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn C là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, bà Nguyễn Ngọc G có yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Huỳnh Văn C thanh toán tổng số tiền hụi còn nợ là 53.300.000đ. Bà Nguyễn Thị Lệ D thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn. Ông Huỳnh Văn C không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Xét thấy: Tại danh sách hội, biên bản xác nhận ngày 29/6/2022 (al) và giấy nhận nợ ngày 30/5/2023 thể hiện ông Q, bà G có tham gia hội và sau khi hội ngưng thì các bên có đối chiếu công nợ và bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 68.000.000đ, việc này thể hiện các bên có giao dịch tiền hội và sau khi đối trừ các bên kết toán còn nợ số tiền 54.000.000 đồng. Theo giấy nhận nợ thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 68.000.000đ nhưng theo nguyên đơn trình bày, sau khi kết toán bị đơn có trả thêm 02 lần với số tiền 14.700.000 đồng và còn nợ lại 53.300.000 đồng, điều này chứng minh việc bà D thừa nhận nợ và đồng ý thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán là có cơ sở.

Từ những đánh giá phân tích như trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền hội còn nợ 53.300.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Ông Q yêu cầu ông C, bà D cùng có trách nhiệm thanh toán nợ. Bà D xác định đây là nợ riêng của bà nên bà đồng ý thanh toán, không liên quan ông C. Đối với ông C không trình bày ý kiến về việc trách nhiệm thanh toán nợ. Xét thấy, tiền hội phát sinh từ tháng 6/2020 đến tháng 5/2023 và đến thời điểm hiện tại ông C, bà D vẫn còn mối quan hệ vợ chồng, tại tòa bà D xác định ông C có lần nhận tiền hội dùm bà do bà bán mua bán tạp hóa, cũng theo bà D trình bày bà bắt đầu làm chủ hội từ năm 2012 đến khi ngưng hội thời gian khoảng 10 năm, điều này chứng minh ông C biết bà D làm chủ hội nhưng không ý kiến và nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy ông C, bà D cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán nợ cho ông Q tổng số tiền là 53.300.000 đồng.

[5] Đối với ông Q, bà G là vợ chồng, ông bà xác định tiền tham gia hội là tiền chung của vợ chồng nên buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho ông Q, bà G là phù hợp. Riêng ông Nguyễn Văn Th xác định ông chỉ đứng tên trên giấy hội, tiền tham gia hội là tiền của ông Q, bà G nên không đưa ông Th vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, bà D thuộc trường hợp được miễn án phí và có nộp đơn theo quy định nên bà D không phải nộp. Đối với ông C không nộp đơn đề nghị và kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463; 466; 468, 471 Bộ luật dân sự; các Điều 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Huỳnh Văn C cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Ngọc G tổng số tiền là: 53.300.000 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Ngọc G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Lệ D, ông Huỳnh Văn C không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Nguyễn Thị Lệ D được miễn nộp án phí theo quy định.

+ Ông Huỳnh Văn C phải nộp án phí số tiền 1.333.000 đồng (chưa nộp).

+ Ông Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí. Vào ngày 16/10/2024 ông Q đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 1.333.000 đồng, tại lai thu số 0009477 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông C, bà G vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)
Lê Thị Thu